

CHUẨN MÔN HỌC VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ THIẾT KẾ CHUẨN MÔN NGỮ VĂN CỦA VIỆT NAM VÀ MÔN NGÔN NGỮ ANH CỦA HOA KÌ

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM*, VÕ HUY BÌNH**

TÓM TẮT

Trong quá trình thiết kế chương trình (CT) dạy học, việc xây dựng chuẩn môn học có vai trò then chốt, định hướng cho toàn bộ tiến trình biên soạn sách giáo khoa (SGK), phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Mục tiêu của bài viết này là làm sáng tỏ các vấn đề sau: (1) khái niệm chuẩn môn học; (2) so sánh cách tiếp cận và nội dung Chuẩn kiến thức và kỹ năng môn Ngữ văn của Việt Nam hiện nay với Chuẩn cơ bản về CT môn Ngôn ngữ Anh, Đọc viết các môn Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật của Mỹ; (3) những bài học kinh nghiệm cho việc biên soạn và thực hiện CT, SGK sau năm 2015. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong bài viết này là so sánh, đối chiếu.

Từ khóa: khái niệm Chuẩn, chức năng của Chuẩn, phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực, Chuẩn môn Ngữ văn, Chuẩn môn Ngôn ngữ Anh.

ABSTRACT

Competence Standards and Several Lessons from the Design of Standards in Vietnam's Language and Literature Curriculum and America's English Language Arts Curriculum

In the process of educational curriculum development, the design of standards plays a key role in instructing the whole process from composing textbooks to teaching and learning as well as assessment methods. This paper aims to clarify three issues: (1) the definition of knowledge-skill standards; (2) a comparison between The Standards of Knowledge and Skills in Literature and Language Subject currently applied in Vietnam and Common Core State Standards for English Language Arts and Literacy in History/Social Studies, Science, and Technical Subject in the United States of America; (3) several experiences could be applied to curriculum and textbooks design and implementation after 2015. Our major research methods are comparison and contrast.

Keywords: concept of standards, functions of standards, competence-based curriculum development, standards of English Language Arts.

1. Đặt vấn đề

Chúng ta đang chuẩn bị biên soạn CT, SGK theo hướng phát triển năng lực cho người học. CT, SGK mới phải được thiết kế dựa trên chuẩn cho từng môn học. Vậy chuẩn là gì? Chuẩn có vai trò như thế nào đối với tiến trình giáo dục? Chuẩn

môn Ngữ văn của Việt Nam có gì khác với chuẩn môn Ngôn ngữ Anh và đọc viết các môn khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và kỹ thuật của Mỹ (Common core State Standards for English Language Arts and Literacy in History/Social Studies, Science, and Technical Subjects)?

2. Thuật ngữ “chuẩn” và chức năng của “chuẩn” trong tiến trình giáo dục

Các cách hiểu về “chuẩn”

* PGS TS, Trường Đại học Cần Thơ

** GV, Trường Đại học Cần Thơ

Thuật ngữ “chuẩn” trong tiếng Anh là “standards”. Theo Graham Maxwell (2001) trong lĩnh vực giáo dục, có ít nhất 5 cách hiểu về thuật ngữ chuẩn:

(1) Chuẩn được hiểu như là những *chuẩn mực* thuộc về đạo đức (điều mà người ta nên làm)

(2) Chuẩn được hiểu như là những *yêu cầu* mang tính pháp lí và bắt buộc phải thực hiện (điều mà người ta phải làm theo)

(3) Chuẩn được hiểu như là *tiêu chuẩn* (thực hành hay thành tích được kì vọng đạt được)

(4) Chuẩn được hiểu như *thước đo* quyết định chất lượng của một hoạt động (xác định mức độ thành công hoặc để được khen thưởng)

(5) Chuẩn được hiểu như *bước tiến, dấu mốc* quan trọng trong hoạt động học (mục tiêu phát triển cho người học).

Như vậy, ý nghĩa của thuật ngữ chuẩn có thể thay đổi phụ thuộc vào mục đích, ý định của người sử dụng.

Theo Tổ chức Phát hiện tài năng thuộc Đại học Duke: “Chuẩn đề ra những gì mà người học *nên biết hoặc có thể thực hiện* được, thể hiện kết quả của quá trình giáo dục. Thuật ngữ “chuẩn” có thể được sử dụng ở ba khía cạnh:

(1) Chuẩn nội dung (Content standards) miêu tả *kiến thức và kĩ năng* mà tất cả người học nên đạt được thông qua hướng dẫn trong *từng lĩnh vực môn học cụ thể* . Đôi khi thuật ngữ này còn được gọi là chuẩn môn học (academic standards). Chuẩn nội dung nêu lên các mục tiêu tổng quát của quá trình dạy học gắn liền với kiến thức hoặc yêu cầu cụ thể mà người học cần thông hiểu ở một khối lớp nhất định hoặc lúc tốt nghiệp ở một cấp học nào đó.

(2) Chuẩn CT (Curriculum standards) *xác định mục đích để từ đó xây dựng và thực hiện CT học* . Ở Hoa Kỳ, hai cơ quan đề ra chuẩn chương trình là Tổ chức phi lợi nhuận, trung lập bao gồm các nhà lãnh đạo giáo dục cao cấp trên khắp các bang (the Council of Chief State School Officers (CCSSO) và Hiệp hội các thống đốc bang (National Governors Association (NGA)). Chuẩn này đôi khi được gọi là khung CT, trong đó trình bày cụ thể về việc khi nào và thứ tự mỗi môn học được dạy. Chuẩn này được biên soạn bởi các chuyên gia về nội dung giáo dục. Đó là một khuôn khổ được thiết kế để kết nối chuẩn nội dung của quốc gia với CT và hướng dẫn thực hiện ở các địa phương.

(3) Chuẩn thực hiện (Performance standards) trình bày cụ thể *mức độ hoàn thiện* mà người học phải thực hiện được để chứng tỏ rằng họ đã thông hiểu được chuẩn nội dung. Chuẩn này còn được gọi là điểm chuẩn, chuẩn mực (benchmark). Chuẩn thực hiện xác định mức độ kì vọng về khả năng thực hiện của người học ở mỗi môn học và ở một khối lớp cụ thể.

Ba khía cạnh trên của chuẩn có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó chuẩn thực hiện và chuẩn nội dung là sự cụ thể hóa của chuẩn CT. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ bàn về chuẩn CT.

Website

[http://www.education.vic.gov.au/Document](http://www.education.vic.gov.au/Document/s/school/teachers/teaching)

<resources/social/physed/standardsedu.pdf>

của bang Victoria (Úc) nêu định nghĩa về chuẩn như sau: “Chuẩn xác định những gì mà người học *nên biết và có thể làm được* ở mỗi cấp lớp, trình độ. Chuẩn có thể được sử dụng như tài liệu tham khảo để lập kế hoạch dạy học và thực hiện việc đánh giá

người học. Chuẩn giúp giáo viên (GV) đề ra các mục tiêu và kiểm tra được kết quả, đồng thời phát triển CT hỗ trợ và nâng cao hoạt động học tập của người học”.

Định nghĩa trên không chỉ làm rõ khái niệm chuẩn mà còn xác định rõ vai trò của chuẩn đối với các hoạt động: đề ra mục tiêu dạy học, lập kế hoạch dạy học, tổ chức hoạt động dạy học và đánh giá người học.

Theo Hội đồng Nghiên cứu quốc gia Hoa Kỳ (American National Research Council, 2001): “Chuẩn đóng vai trò làm nền tảng cho việc đổi mới giáo dục. Nó bao gồm việc xác định rõ ràng các *kết quả mong đợi* (desired outcomes) của hoạt động dạy học cũng như *cách thức để đánh giá thành tích* của người học trong khuôn khổ những kết quả mong đợi đó. Như vậy, chuẩn phải trình bày thật đầy đủ và rõ ràng các kết quả mong đợi để quá trình dạy học hướng tới. Đồng thời dựa vào chuẩn có thể đánh giá trình độ năng lực của người học để xác định người học đã đạt được các yêu cầu đề ra ở mức độ nào. Chuẩn trong giáo dục giúp GV đảm bảo rằng học sinh (HS) được trang bị những kỹ năng và kiến thức mà họ cần có để đạt được sự thành công, thông qua việc cung cấp những mục tiêu học tập rõ ràng cho người học. Chuẩn được thiết kế để đảm bảo rằng HS tốt nghiệp phổ thông được trang bị để bước vào môi trường học đại học trong khoảng thời gian 2 năm hoặc 4 năm hoặc có thể làm một nghề nghiệp. Chuẩn phải rõ ràng và đầy đủ để đảm bảo rằng phụ huynh HS, GV có được sự hiểu biết đầy đủ về những kỳ vọng được đặt ra trong các hoạt động học tập như đọc, viết, nói và nghe, ngôn ngữ và toán học trong nhà trường”.

Tài liệu Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức và kỹ năng môn Ngữ văn lớp 10

(Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2010) xác định khái niệm chuẩn như sau “Chuẩn là những *yêu cầu, tiêu chí* (gọi chung là yêu cầu) tuân thủ những nguyên tắc nhất định, được dùng để làm *thước đo* đánh giá hoạt động, công việc, sản phẩm của một lĩnh vực nào đó. Đạt được những yêu cầu của chuẩn là đạt được mục tiêu mong muốn của chủ thể quản lý hoạt động, công việc, sản phẩm đó.” [1, tr.5]. Các tác giả của tài liệu này nêu vai trò của chuẩn “vừa là căn cứ, vừa là mục tiêu của giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá” [1, tr 9].

Điềm qua định nghĩa về chuẩn trong các tài liệu trên, chúng ta thấy mặc dù khái niệm chuẩn được xem xét ở nhiều cấp độ, góc độ nhưng điềm chung trong các định nghĩa về chuẩn là đều nói đến những gì mà HS cần phải đạt được sau khi kết thúc một cấp học, một CT học, mặc dù cách dùng từ ngữ không hoàn toàn giống nhau: “kỳ vọng, thước đo” (Graham Maxwell, 2001), “kết quả mong đợi” (Hội đồng nghiên cứu Quốc gia Hoa Kỳ, 2001), “yêu cầu, tiêu chí” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2010), “những gì mà người học *nên biết và có thể làm được* ở mỗi cấp lớp, trình độ” (Bộ GD bang Victoria, Úc, 2005)

Tuy nhiên, cách hiểu về chức năng của chuẩn trong tài liệu Chuẩn kiến thức và kỹ năng môn Ngữ văn lớp 10 (2010) chưa đầy đủ. Chuẩn không chỉ được sử dụng như “thước đo đánh giá hoạt động, công việc, sản phẩm của một lĩnh vực nào đó” mà Chuẩn có chức năng định hướng toàn bộ tiến trình giáo dục, từ thiết kế CT dạy học đến xác định mục tiêu dạy học của từng bài học, tổ chức hoạt động dạy học và đánh giá tác động của CT cũng như hoạt động dạy học đối với HS. Điều đó có nghĩa là chuẩn phải được thiết kế trước khi thiết

kế CT, SGK. Chuẩn xác định những gì mà người học nên biết và có thể làm được ở mỗi cấp lớp, trình độ chứ không phải là những kiến thức, kỹ năng cụ thể cho từng bài học như chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều này sẽ được làm rõ trong phần sau của bài viết này.

3. Chuẩn môn Ngữ văn của Mỹ và Việt Nam

3.1. Chuẩn môn Ngôn ngữ Anh, Đọc viết các môn Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật của Mỹ

Như trên đã nói, chuẩn các môn học do CCSSO và National Governors Association (NGA) thiết kế, có vai trò là chuẩn của nhiều tiểu bang. CT dạy học của 45 bang của Hoa Kỳ được thiết kế dựa trên bộ chuẩn này (xem trên website <http://www.corestandards.org/in-the-states#virginia>). Trang web chính thức của Bộ Giáo dục bang Michigan (tại địa chỉ http://www.michigan.gov/mde/0,4615,7-140-28753_64839_64848---,00.html) công bố từ năm 2010, bang này đã chính thức sử dụng bộ chuẩn của Liên bang để thiết kế chương trình cho các môn học của bang.

Chuẩn cơ bản môn Ngôn ngữ Anh và Đọc viết các môn Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật của Liên bang (Common Core State Standards for English

Language Arts and Literacy in History/Social Studies, Science, and Technical Subjects) được chia làm 3 phần:

(1) Chuẩn môn Ngôn ngữ Anh và Đọc, viết các môn Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật từ Mẫu giáo đến lớp 5.

(2) Chuẩn môn Ngôn ngữ Anh từ lớp 6 đến lớp 12.

(3) Chuẩn Đọc các môn Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật từ lớp 6 đến lớp 12.

Chuẩn của từng cấp lớp được phân định rõ chuẩn đọc, chuẩn viết, chuẩn nghe và nói, thể hiện sự tích hợp/ kết hợp 4 kỹ năng Đọc, Viết, Nghe và Nói trong quá trình thiết kế CT, hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá. Chuẩn đọc được chia làm hai loại: chuẩn đọc văn bản nghệ thuật (literature) và chuẩn đọc các loại văn bản cung cấp thông tin (information texts). Văn bản thuộc các môn Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật được xem là loại văn bản cung cấp thông tin (bảng 1). Điều này cho thấy Hoa Kỳ chú trọng năng lực đọc hiểu các tác phẩm văn chương và các loại văn bản khác, trong khi ở Việt Nam, nói đến năng lực đọc, chúng ta thường chỉ chú trọng năng lực đọc văn bản nghệ thuật, bỏ qua các loại văn bản khác.

Bảng 1. Chuẩn môn Ngôn ngữ Anh và chuẩn đọc, viết các môn Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật từ Mẫu giáo đến lớp 12

Các loại Chuẩn	Các mức độ của từng loại Chuẩn
Đọc (Tác phẩm văn chương và các văn bản cung cấp thông tin)	Hiểu ý tưởng then chốt và chi tiết
	Kĩ xảo và cấu trúc của văn bản
	Sự phối hợp kiến thức và ý tưởng
	Các loại văn bản cần đọc và độ phức tạp của văn bản
Viết	Loại văn bản và mục đích tạo lập từng loại văn bản
	Viết để tạo lập văn bản và chia sẻ với người khác
	Nghiên cứu để tạo ra và trình bày sự hiểu biết
	Các thể loại văn bản cần viết
Nói và nghe	Hiểu và hợp tác
	Trình bày hiểu biết và ý tưởng
Ngôn ngữ chuẩn bị cho việc học đại học hoặc nghề nghiệp tương lai	Quy ước của tiếng Anh chuẩn
	Hiểu biết về ngôn ngữ
	Tiếp nhận và sử dụng ngôn ngữ

Độ khó trong mỗi tiêu chí trong chuẩn trên được tăng dần và được chia ra từng cấp lớp, từ Mẫu giáo đến lớp 12. Do dung lượng có hạn của bài báo, chúng tôi sẽ tập trung phân tích *chuẩn đọc*.

Chuẩn đọc cho các khối lớp từ Mẫu giáo đến lớp 12 có điểm chung là đều thể hiện yêu cầu đối với 4 yếu tố: *Ý tưởng then chốt và chi tiết; Kĩ xảo và cấu trúc; Phối hợp kiến thức và ý tưởng; Phạm vi đọc và độ phức tạp của văn bản*.

Nội dung cụ thể của từng yếu tố như sau:

(1) Ý tưởng then chốt và chi tiết (Key Ideas and Details)

1. Đọc kĩ để xác định ý nghĩa tường minh của văn bản đồng thời suy ra ý nghĩa hàm ẩn; nêu ra được dẫn chứng cụ thể trong khi tạo lập văn bản (nói hoặc viết) để chứng minh cho các kết luận rút ra từ tác

phẩm.

2. Xác định ý tưởng trọng tâm hoặc tư tưởng của tác phẩm đồng thời phân tích sự phát triển của những ý tưởng đó trong văn bản; tóm tắt được những ý tưởng hoặc chi tiết then chốt được thể hiện trong tác phẩm.

3. Phân tích cách thức và nguyên nhân vì sao các nhân vật, sự kiện và ý tưởng lại phát triển và tương tác với nhau trong toàn bộ văn bản.

(2) Kĩ xảo và cấu trúc (Craft and Structure)

4. Hiểu được ý nghĩa của từ và cụm từ được tác giả sử dụng, bao gồm việc xác định các ý nghĩa như ý nghĩa kĩ thuật (technical), ý nghĩa mở rộng (connotative), ý nghĩa hình tượng (figurative); đồng thời phân tích cách lựa chọn sử dụng từ ngữ của tác giả trong việc tạo nên ý nghĩa và giọng

điệu của tác phẩm.

5. Phân tích kết cấu của văn bản bao gồm cách thức liên kết giữa các câu, đoạn, hoặc những đơn vị lớn hơn (phần, chương, màn, khổ thơ) với nhau và với toàn bộ văn bản.

6. Đánh giá ảnh hưởng của quan điểm hoặc mục đích sáng tác của tác giả đối với việc hình thành nội dung và phong cách của tác phẩm.

(3) Phối hợp kiến thức và ý tưởng (Integration of Knowledge and Ideas)

7. Tiếp cận và đánh giá nội dung của văn bản được sáng tác hoặc thể hiện dưới nhiều hình thức và phương tiện nghe nhìn đa dạng, bao gồm các khía cạnh trực quan, chất lượng cũng như ngôn từ được sử dụng.

8. Lí giải và đánh giá các ý kiến tranh luận và cảm nhận khác nhau về văn bản bằng cách xem xét tính logic của các ý kiến đó cũng như các dẫn chứng kèm theo có thật sự liên quan chặt chẽ và đầy đủ.

9. Phân tích hai hoặc nhiều văn bản cùng viết về một nội dung tư tưởng hoặc đề tài để từ đó hiểu thêm về tác phẩm hoặc để so sánh phương pháp sáng tác của mỗi tác giả.

(4) Các loại văn bản cần đọc và

độ phức tạp của văn bản (Range of Reading and Level of Text Complexity)

10. Đọc hiểu một cách độc lập và thông thạo các văn bản văn chương và văn bản cung cấp thông tin.

Trên đây là những yêu cầu chung cho tất cả các khối lớp từ bậc Mẫu giáo đến lớp 12. Tuy nhiên, yêu cầu cụ thể ở từng khối lớp có những điểm khác nhau như sau:

Một là độ khó trong các yêu cầu trên được nâng cao dần qua từng cấp lớp nhằm mục đích phát triển từng bước năng lực đọc của HS. Trong kĩ năng đọc, chuẩn chú ý hai đặc trưng nổi bật là độ phức tạp của văn bản và sự phát triển năng lực đọc hiểu của HS.

Hai là khi vận dụng 4 yếu tố: *Ý tưởng then chốt và chi tiết; Kĩ xảo và cấu trúc; Phối hợp kiến thức và ý tưởng; Phạm vi đọc và độ phức tạp của văn bản* vào từng khối lớp thì mức độ yêu cầu cũng có sự khác nhau. Ví dụ như: yếu tố Ý tưởng then chốt và chi tiết (Key Ideas and Details) khi áp dụng cho các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 12 có những yêu cầu cụ thể nhằm hướng đến việc phát triển năng lực đọc cho người học theo hướng nâng cao và phát triển. Bảng thống kê dưới đây sẽ cho chúng ta thấy rõ hơn về điều này. (Bảng 2)

Bảng 2. Những yêu cầu cụ thể đối với năng lực hiểu các Ý tưởng then chốt và các chi tiết từ lớp 6 đến lớp 12

Lớp	Yêu cầu cụ thể
6	1. Trích dẫn được các dẫn chứng từ văn bản để minh chứng cho ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn rút ra từ tác phẩm
	2. Xác định tư tưởng hoặc ý trọng tâm của tác phẩm, đồng thời nêu ra được cách thức tác giả sử dụng các chi tiết cụ thể để chuyển tải thông điệp đó; tóm tắt lại văn bản vừa đọc một cách khách quan (không mang tính chủ quan hay nhận xét cá nhân)
	3. Miêu tả lại cách thức tác giả sử dụng để triển khai cốt truyện của một vở kịch hoặc một tác phẩm truyện trong từng chương/ phần; đồng thời miêu tả lại xem nhân vật trong tác phẩm đã thay đổi ra sao theo diễn biến của câu chuyện
7	1. Trích dẫn được các dẫn chứng từ văn bản để minh chứng cho ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn rút ra từ tác phẩm
	2. Xác định tư tưởng hoặc ý trọng tâm của tác phẩm, đồng thời nêu ra được cách thức tác giả sử dụng các chi tiết cụ thể để chuyển tải thông điệp đó; tóm tắt lại văn bản vừa đọc một cách khách quan.
	3. Phân tích cách tương tác qua lại giữa các yếu tố đặc trưng của một tác phẩm truyện hoặc một vở kịch (ví dụ: đóng góp của bối cảnh đối với việc miêu tả nhân vật hoặc triển khai cốt truyện...)
8	1. Trích dẫn được các dẫn chứng từ văn bản để minh chứng rõ nhất cho ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn rút ra từ tác phẩm
	2. Xác định tư tưởng hoặc ý trọng tâm của tác phẩm, đồng thời nêu ra được cách thức tác giả miêu tả mối quan hệ giữa các nhân vật, bối cảnh câu chuyện và cốt truyện để chuyển tải thông điệp đó; tóm tắt lại văn bản vừa đọc một cách khách quan
	3. Phân tích để thấy được đối thoại(dialogue) hoặc các biến cố (incidents) trong tác phẩm truyện hoặc kịch đã góp phần dẫn tới hành động, hay hé lộ một điểm nào đó trong tính cách của nhân vật, hoặc đưa nhân vật đến một quyết định nào đó
9-10	1. Trích dẫn được các dẫn chứng từ văn bản để minh chứng cho ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn rút ra từ tác phẩm
	2. Xác định tư tưởng hoặc ý trọng tâm của tác phẩm và phân tích cụ thể để thấy được thông điệp đó được triển khai trong toàn văn bản, chẳng hạn như: cách thức để tư tưởng của nhà văn đó xuất hiện, hình thành và hoàn thiện thông qua các chi tiết cụ thể; tóm tắt lại văn bản vừa đọc một cách khách quan
	3. Phân tích xem nhân vật có đời sống nội tâm phức tạp và đầy mâu thuẫn (complex characters) được tác giả thể hiện trong suốt tác phẩm, cách thức để nhân vật này tương tác với các nhân vật khác và sự phát triển của cốt truyện hoặc tư tưởng tác phẩm

11-12	1. Trích dẫn đợc các dẫn chứng từ văn bản để minh chứng cho ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn rút ra từ tác phẩm, trong đó có cả việc xác định phần nào trong tác phẩm để lại cho người đợc nhiều cách hiểu
	2. Xác định hai hay nhiều ý nghĩa tư tưởng hoặc ý trọng tâm của tác phẩm và phân tích cụ thể để thấy đợc thông điệp đó đợc triển khai trong toàn văn bản, trong đó bao gồm việc chỉ rõ cách thức để các tư tưởng này tương tác với nhau nhằm tạo nên một tác phẩm có chiều sâu; tóm tắt lại văn bản vừa đợc một cách khách quan
	3. Phân tích để thấy đợc ảnh hưởng của cách lựa chọn của tác giả, chẳng hạn như cách tác giả phát triển hoặc liên kết các yếu tố của một tác phẩm truyện hoặc một vở kịch (ví dụ: câu chuyện xảy ra ở đâu, cách tổ chức hành đợng, cách giới thiệu và phát triển tính cách nhân vật)

3.2. Chuẩn môn Ngữ văn lớp 10 của Việt Nam

Chuẩn môn Ngữ văn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2010, đợc trình bày theo từng cấp lớp, thể hiện yêu cầu đối với từng bài cụ thể. Chuẩn cho mỗi bài gồm các nội dung sau:

- (1) Mức độ cần đạt
- (2) Trọng tâm kiến thức, kĩ năng
- (3) Hướng dẫn thực hiện

Mục 1 nêu các yêu cầu cần đạt cho từng bài học cụ thể, mục 2 và 3 là những hướng dẫn về nội dung và nghệ thuật cho từng bài học.

4. Một số nhận xét về chuẩn môn học của Mĩ và của Việt Nam

So sánh chuẩn của Mĩ và của Việt Nam, chúng tôi thấy có những khác biệt cơ bản sau:

Thứ nhất, ở Mĩ và các nước khác (như Singapore, Úc...), chuẩn chính là những kì vọng (expectations) đối với người học sau khi hoàn thành một giai đợang hoặc quá trình học tập, tương ứng với khối lớp hoặc cấp lớp cụ thể. Chuẩn là một hệ thống các kì vọng, có tính logic, khoa học, hệ thống và có sự nâng cao dần về độ khó đối với từng cấp lớp. Ví dụ đối với chuẩn đợc:

độ khó của các yêu cầu đối với năng lực đợc của HS đợc tăng dần theo khối lớp học với việc lựa chọn và sử dụng các văn bản có độ khó phù hợp để đưa vào CT dạy học. Theo đó, HS ở cấp lớp cao hơn sẽ không chỉ đợc văn bản phức tạp hơn mà yêu cầu về kĩ năng đợc cũng cao hơn HS ở các cấp lớp thấp. Chuẩn này thể hiện quan điểm dạy học nhằm phát triển năng lực của người học Trong khi đó, chuẩn của Việt Nam không thực sự là chuẩn mà là những yêu cầu cụ thể về kiến thức, kĩ năng cho từng bài học. Do vậy, chuẩn của chúng ta thiếu tính hệ thống, logic, đứt đợang giữa các cấp lớp. Điều này thể hiện quan điểm tiếp cận CT dựa trên nội dung cụ thể mà HS cần học chứ không dựa trên năng lực mà HS cần đợc phát triển qua từng cấp lớp, độ tuổi. Thực chất sự khác biệt trong những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng và thái độ trong chuẩn môn Ngữ văn ở các cấp lớp chỉ là sự khác biệt dựa trên kiến thức của bài học này với bài học khác, chứ không phải là sự khác biệt về trình độ, năng lực của người học đợc phát triển theo hướng nâng cao dần từng mức qua mỗi cấp lớp. Cách nhìn nhận và xây dựng chuẩn kiến thức và kĩ năng của chúng ta vì thế còn

thiên về tính cục bộ, chưa thể hiện được tầm nhìn chiến lược, mang tính định hướng để hướng đến việc phát triển năng lực cho người học một cách có hệ thống và gắn kết trong CT đào tạo của một khối lớp, cấp lớp và toàn bộ quá trình đào tạo từ bậc Mẫu giáo đến Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông để chuẩn bị cho người học bước vào môi trường đại học hoặc nghề nghiệp tương lai.

Thứ hai, chuẩn bao gồm những kì vọng, mang tính định hướng cho hoạt động thiết kế CT, dạy và học, kiểm tra, đánh giá. Nó không nêu lên nội dung và cách dạy cho từng bài cụ thể, việc dạy bài gì, dạy như thế nào là nhiệm vụ của những người thiết kế CT và của GV. Trong khi đó tài liệu chuẩn của Việt Nam lại nêu những trọng tâm kiến thức, kĩ năng cần dạy và hướng dẫn cách thực hiện những kiến thức, kĩ năng đó.

Thứ ba, những kì vọng về năng lực mà HS cần được phát triển khi học môn Ngôn ngữ Anh và đọc, viết trong các môn Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật của Mĩ được thể hiện trên tất cả các phương diện của năng lực ngôn ngữ, nói cách khác là kết hợp đọc, viết, nói và nghe. Chính vì thế, trong một giờ học, GV thiết kế các hoạt động dạy học nhằm phát triển tất cả các năng lực này của HS: đọc văn bản, ghi chép những suy nghĩ của mình về văn bản, thảo luận với bạn học, tạo lập một văn bản tương tự. Ví dụ: HS ở một trường học thuộc thành phố East Lansing (bang Michigan, Mĩ) học một câu chuyện về tuổi thơ, câu chuyện bắt đầu bằng câu “Khi tôi còn nhỏ...”. GV tổ chức cho HS đọc, thảo luận trong nhóm nhỏ, thảo luận chung trên lớp về câu chuyện. Sau đó, HS được giao bài tập về nhà “Viết một câu chuyện hoặc

một bài thơ về tuổi ấu thơ và bắt đầu bằng câu “Khi tôi còn nhỏ””. Tuần sau, HS thảo luận trong nhóm về tác phẩm của từng người, nghe nhận xét của bạn, sau đó về viết lại. Trong khi đó, trong chuẩn môn Ngữ văn của Việt Nam, các năng lực ngôn ngữ: đọc, viết, nghe và nói không được chú trọng mà chỉ nhắm đến việc HS hiểu được kiến thức trọng tâm, còn yêu cầu về kĩ năng đọc của tất cả các bài đọc hiểu văn bản thì hầu như giống nhau (*phân tích văn bản sử thi theo đặc trưng thể loại, phân tích văn bản truyền thuyết theo đặc trưng thể loại...*). Môn Ngữ văn bị chia tách thành 3 phân môn: Đọc hiểu văn bản, Làm văn, Tiếng Việt. Quan điểm tích hợp được hiểu là tích hợp đọc (tích hợp các kiến thức kĩ năng ở các bài, các chương với mức độ cao hơn), tích hợp ngang (liên hệ giữa kiến thức của phân môn này với phân môn khác). Về lí thuyết, quan điểm tích hợp đã phản ánh được nhu cầu cần gắn kết và hỗ trợ qua lại giữa các phân môn với nhau nhằm hướng tới sự phát triển kiến thức và kĩ năng toàn diện cho HS. Tuy nhiên trên thực tế quan điểm này chưa được thực hiện triệt để bởi sự tích hợp này chỉ có thể thực hiện ở một số bài phù hợp và trong khi tích hợp cũng có sự phân biệt chính - phụ, giữa yêu cầu cần đạt của bài học với việc mở rộng thêm để soi sáng, bổ trợ thêm. Kết quả là các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết của người học chưa có cơ hội được phối hợp và phát triển đồng bộ.

Thứ tư, chuẩn có chức năng định hướng cho toàn bộ tiến trình dạy học từ thiết kế CT đến hoạt động dạy – học, kiểm tra đánh giá vì thế chuẩn phải được biên soạn trước khi biên soạn CT, SGK. Nhưng ở Việt Nam, SGK mới được đưa vào sử dụng chính thức năm 2006, nhưng đến năm

2010, Chuẩn kiến thức và kỹ năng mới được ban hành. Nghĩa là chúng ta đã thực hiện quy trình ngược.

5. Kết luận

Chúng ta đang trong giai đoạn chuẩn bị biên soạn CT, SGK mới theo hướng phát triển năng lực của người học. Vì thế, chúng ta cần học kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục phát triển, bắt đầu từ việc biên soạn bộ chuẩn các môn học để các bộ chuẩn này thực sự đóng vai trò định hướng cho toàn bộ tiến trình giáo dục từ thiết kế CT đến dạy học và đánh giá.

Theo chúng tôi, những bài học kinh nghiệm cần rút ra cho công cuộc đổi mới giáo dục sau 2015 là:

(1) Bắt đầu bằng việc thiết kế

chuẩn các môn học.

(2) Thiết kế chuẩn như là một hệ thống các kì vọng mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành môn học, những kì vọng này được trình bày rõ ràng, có tính hệ thống, logic, có tính kế thừa, tiếp nối và phát triển liên tục từ Mẫu giáo đến lớp 12.

(3) Để xây dựng được bộ chuẩn như vậy, cần tập hợp được một đội ngũ các nhà khoa học trong từng lĩnh vực chuyên môn như Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Ngôn ngữ kết hợp với các nhà Tâm lí học, Giáo dục học.

Nếu thực hiện được những yêu cầu trên, chúng ta sẽ có những bộ chuẩn đạt chuẩn, làm cơ sở cho sự đổi mới toàn bộ tiến trình giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Ngữ văn, lớp 10*, Nxb Giáo dục, HN.
2. Maxwell, Graham (2002), *Are Core Learning Outcomes' Standards? The State of Queensland (The Office of the Queensland School Curriculum Council)*.
3. Curriculum Planning and Development Division – Ministry of Education Singapore (2013), *Literature in English Teaching Syllabus 2003 Lower and Upper Secondary School*, <http://www.moe.gov.sg/education/syllabuses/english-language-and-literature/files/literature-in-english-lower-secondary-2013.pdf>.
4. Curriculum Development Council and the Hong Kong Examination and Assessment Authority (2007), *Literature in English Curriculum and Assessment Guide (Secondary 4-6)*, http://www.edb.gov.hk/FileManager/EN/Content_5941/lit_in_eng_ass_e.pdf
5. W.K. Kellogg Foundation (2004), *Logic Model Development Guide*, <http://www.smartgivers.org/uploads/logicmodelguidepdf.pdf>
6. *Common Core State Standards for English Language Arts and Literacy in History/Social Studies, Science, and Technical Subjects*, <http://www.corestandards.org/the-standards>
7. *Frequently Asked Questions*, <http://www.corestandards.org/resources/frequently-asked-questions>
8. *What is Standards Based Education?*, http://www.education.vic.gov.au/Documents/school/teachers/teachingresources/social/p_hysed/standardsedu.pdf
9. *Standards – Based Education*, <https://tip.duke.edu/node/729>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24-12-2013; ngày phản biện đánh giá: 03-01-2014;

ngày chấp nhận đăng: 08-01-2014)